

Bảng cân đối kế toán

Công ty ABC

Bảng cân đối kế toán

Ngày 31/12/2012 và 31/12/2013 (tỷ VND)

Nợ gồm các nghĩa vụ của DN đối với các đối tác cho vay vốn, và được sắp xếp theo thứ tự kỳ hạn tăng dần

TS nợ được ghi bên phải của BCĐKT, gồm Nợ và Vốn chủ sở hữu

13		2012	2013
	Tài sản nợ		
	Nợ ngắn hạn		
50	Phải trả	<u>450</u>	<u>400</u>
0	Nợ dài hạn	<u>400</u>	<u>500</u>
0	Vốn CSH		
0	Cổ phần phổ thông	600	650
	Lợi nhuận giữ lại	1300	1600
	Tổng VCSH	<u>1900</u>	<u>2250</u>
TS cơ định			
	Nhà xưởng	<u>1600</u>	<u>1700</u>
	Máy móc thiết bị		
	Tổng TSC	<u>2750</u>	<u>3150</u>

Công ty ABC
Bảng cân đối kế toán
Ngày 31/12/2012 và 31/12/2013 (tỷ VND)

	2012	2013		2012	2013
				Tài sản nợ	
			Nợ ngắn hạn		
	150		Phải trả	<u>450</u>	<u>400</u>
	700		Nợ dài hạn	<u>400</u>	<u>500</u>
Hàng tồn kho	550	600	Vốn CSH		

Nợ dài hạn là nợ đến hạn trong thời hạn trên 1 năm

Thay đổi Nợ dài hạn = Nợ dài hạn mới – Nợ dài hạn cũ đã đáo hạn

			giữ lại		
TS cố định			Tổng VCSH	<u>1900</u>	<u>2250</u>
Nhà xưởng	<u>1600</u>	<u>1700</u>			
Máy móc					
thiết bị					
Tổng TSC	<u>2750</u>	<u>3150</u>		<u>2750</u>	<u>3150</u>

Công ty ABC
Bảng cân đối kế toán
Ngày 31/12/2012 và 31/12/2013 (tỷ VND)

	2012	2013		2012	2013
Tài sản có			Tài sản nợ		
TS ngắn hạn			Nợ ngắn hạn		
Tiền mặt	100	150	Phải trả	<u>450</u>	<u>400</u>
Phải thu	500	700	Nợ dài hạn	<u>400</u>	<u>500</u>
			Vốn CSH		
			Cổ phần phổ thông	600	650
			Lợi nhuận giữ lại	1300	1600
			Tổng VCSH	<u>1900</u>	<u>2250</u>
Nhà xưởng	<u>1600</u>	<u>1700</u>			
Máy móc					

Lợi nhuận để lại là lợi nhuận sau khi phân phối và trích lập quỹ, lũy kế qua các năm

Thay đổi CP phổ thông (50)=CP phát hành thêm cho cổ đông-CP mua lại của cổ đông

Công ty ABC
Bảng cân đối kế toán
Ngày 31/12/2012 và 31/12/2013 (tỷ VND)

	2012	2013		2012	2013
Tài sản có			Tài sản nợ		
			Nợ ngắn hạn		
			Phải trả	<u>450</u>	<u>400</u>
			Nợ dài hạn	<u>400</u>	<u>500</u>
			Vốn CSH		
			Cổ phần phổ thông	600	650
			Lợi nhuận giữ lại	1300	1600
			Tổng VCSH	<u>1900</u>	<u>2250</u>
Nhà xưởng Máy móc thiết bị	<u>1600</u>	<u>1700</u>			
Tổng TSC	<u>2750</u>	<u>3150</u>		<u>2750</u>	<u>3150</u>

$$\text{Tổng TSC} = \text{Tổng TSN}$$

$$\text{Tổng TSC} = \text{Nợ} + \text{Vốn CSH}$$

$$\text{Vốn CSH} = \text{Tổng TS} - \text{Nợ}$$

$$\begin{aligned}\text{Vốn CSH} &= 3150 - (400 + 500) \\ &= 2250\end{aligned}$$

Công ty ABC
Bảng cân đối kế toán
Ngày 31/12/2012 và 31/12/2013 (tỷ VND)

	2012	2013		2012	2013
Tài sản có			Tài sản nợ		
TS ngắn hạn			Nợ ngắn hạn		
Tiền mặt	100	150	Phải trả	450	400
Phải thu					300
Hàng tồn kho					
Tổng TS ngắn hạn	1150	1450	Vốn CSH		
					650
TS cố định			Lợi nhuận	1300	1600
thiết bị					
Tổng TSC	2750	3150		2750	3150

$$\text{VLĐ 2013} = 1450 - 400 = 1050$$

$$\text{VLĐ 2012} = 1150 - 450 = 700$$

$$\text{Vốn lưu động} = \text{TS ngắn hạn} - \text{Nợ ngắn hạn}$$

Phân tích tài chính DN

- Các chỉ tiêu tài chính được chia thành 5 nhóm chính:
 1. Chỉ tiêu thanh khoản ngắn hạn
 2. Chỉ tiêu khả năng trả nợ dài hạn
 3. Chỉ tiêu hiệu quả quản lý tài sản
 4. Chỉ tiêu mức sinh lời
 5. Chỉ tiêu giá trị thị trường của DN

1. Chỉ tiêu khả năng trả nợ ngắn hạn

- Hệ số thanh toán hiện thời (current ratio):

$$\text{Hệ số thanh toán hiện thời} = \frac{\text{Tài sản lưu động}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

- + Tỷ lệ này cho thấy khả năng trả nợ ngắn hạn của DN
- + Tỷ lệ thấp: DN có khó khăn về tài chính
- + Thông thường tỷ lệ = 1 là tối ưu

- Hệ số thanh toán nhanh (quick ratio):

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tiền và chứng khoán ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

+ Tiền và chứng khoán ngắn hạn là những khoản có thể chuyển thành tiền một cách nhanh chóng , = TS lưu động – hàng tồn kho

2. Các chỉ tiêu trả nợ dài hạn

- Hệ số nợ:

$$\text{Hệ số nợ} = \frac{\text{Tổng tài sản-Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng tài sản}}$$

+ Phản ánh tất cả các khoản nợ phải trả (mọi kỳ hạn) => thông tin về mức độ bảo vệ cho các chủ nợ trước rủi ro không thể trả nợ của DN

- Hệ số nợ dài hạn:

$$\text{Hệ số nợ dài hạn} = \frac{\text{Nợ dài hạn}}{\text{Nợ dài hạn} + \text{Vốn CSH}}$$

- + Các khoản nợ dài hạn ít thay đổi hơn các khoản nợ ngắn hạn => đánh giá đúng hơn cơ cấu nợ của DN

- Hệ số lợi nhuận trước thuế và lãi vay:

$$\text{Hệ số lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)}}{\text{Lãi vay}}$$

+ Khả năng của DN tạo thu nhập để trả lãi

- Hệ số lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao:

Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao
(EBITDA)

$$= \frac{\text{Lãi vay}}{\text{Lãi vay}}$$

- + Phản ánh chính xác hơn khả năng của DN tạo thu nhập để trả lãi vì EBITDA là dòng tiền thu được từ hoạt động

3. Các chỉ tiêu hiệu quả

- Vòng quay TTS:

$$\text{Vòng quay TTS} = \frac{\text{Tổng doanh thu}}{\text{TTS}}$$

+ Hiệu quả sử dụng TS: tỷ lệ càng cao chứng tỏ DN càng tận dụng tốt TS để tạo thu nhập

- Kỳ thu nợ trung bình:

$$\text{Kỳ thu nợ trung bình} = \frac{360}{\text{Vòng quay các khoản phải thu}}$$
$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Tổng doanh thu}}{\text{Phải thu}}$$

- + Phản ánh chính sách tín dụng của DN: kỳ thu nợ dài: DN dễ dãi trong chính sách tín dụng với KH: ảnh hưởng tới kỳ thanh toán đối với chủ nợ của DN.

- Vòng quay hàng tồn kho:

$$= \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Giá trị hàng tồn kho bình quân}}$$

+ Chỉ tiêu càng cao càng chứng tỏ DN quản lý hàng tồn kho hiệu quả

- Kỳ tồn kho trung bình:

$$= \frac{360}{\text{Vòng quay hàng tồn kho}}$$

+ Là khoảng thời gian từ khi hàng hóa được sản xuất ra đến khi được bán => tốc độ tiêu thụ hàng của DN.

4. Các chỉ tiêu sinh lời

- ROA
- ROE

$$\text{Hệ số lãi ròng} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu}}$$

$$\text{Hệ số lãi gộp} = \frac{\text{EBIT}}{\text{Doanh thu}}$$

5. Các chỉ tiêu thị giá DN

- Chỉ số PER:

$$\text{PER} = \frac{\text{Price}}{\text{Earning per share}}$$

+ Cho biết giá mà nhà đầu tư sẵn sàng trả để nhận được một đồng cổ tức

- Dividend Yield:

$$\text{Dividend Yield} = \frac{\text{Dividend per share}}{\text{Price}}$$

. Market to book:

$$\text{Market to book} = \frac{\text{Price}}{\text{Book value per share}}$$

Nguyên tắc khi đánh giá chỉ số tài chính của DN

- **Chỉ số trung bình ngành:** So sánh công ty với trung bình ngành.
- **So sánh trong bối cảnh chung của nền kinh tế:** Cần phải nhìn tổng thể chu kỳ kinh tế, để hiểu và dự đoán được tình hình công ty trong các điều kiện thay đổi khác nhau của nền kinh tế, ngay cả trong giai đoạn nền kinh tế suy thoái.
- **So sánh với kết quả hoạt động trong quá khứ của doanh nghiệp :** Phân tích trong chuỗi thời gian để nhìn ra xu hướng cho các chỉ số.